

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

\*

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 6 năm 2022

**ĐIỂM THI**

**PHẦN V.3: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC MTTQ VÀ ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN Ở CƠ SỞ  
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 54, TẠI TRƯỜNG**

| STT | Họ và tên            | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bảng chữ | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------|-------------|-------------|----------|---------|
| 1   | Hà Tuấn Anh          | 1        | 12          | 7,0         | Bảy      |         |
| 2   | Đinh Tuấn Anh        | 2        | 17          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 3   | Đặng Thị Lan Anh     | 3        | 22          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 4   | Nguyễn Thị Lan Anh   | 4        | 18          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 5   | Nguyễn Tuấn Anh      | 5        | 27          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 6   | Nguyễn Thị Bích      | 6        | 60          | 7,0         | Bảy      |         |
| 7   | Mai Ngọc Bình        | 7        | 46          | 7,0         | Bảy      |         |
| 8   | Phạm Thái Bình       | 8        | 41          | 6,5         | Sáu rưỡi |         |
| 9   | Lê Bá Chức           | 9        | 10          | 8,0         | Tám      |         |
| 10  | Đỗ Hoàng Chung       | 10       | 03          | 7,0         | Bảy      |         |
| 11  | Dương Văn Cường      | 11       | 05          | 8,0         | Tám      |         |
| 12  | Nguyễn Mạnh Cường    | 12       | 30          | 7,0         | Bảy      |         |
| 13  | Trần Ngọc Diệp       | 13       | 65          | 7,0         | Bảy      |         |
| 14  | Nguyễn Sóng Gió      | 14       | 58          | 8,0         | Tám      |         |
| 15  | Đỗ Thái Hà           | 15       | 70          | 7,0         | Bảy      |         |
| 16  | Hoàng Thị Mỹ Hạnh    | 16       | 62          | 8,0         | Tám      |         |
| 17  | Bùi Thị Minh Hằng    | 17       | 31          | 7,0         | Bảy      |         |
| 18  | Lê Trung Hiếu        | 18       | 68          | 7,0         | Bảy      |         |
| 19  | Lê Văn Hiếu          | 19       | 34          | 7,0         | Bảy      |         |
| 20  | Nguyễn Thị Quỳnh Hoa | 20       | 52          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 21  | Đặng Văn Hoan        | 21       | 25          | 7,0         | Bảy      |         |

| STT | Họ và tên             | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bảng chữ | Ghi chú  |
|-----|-----------------------|----------|-------------|-------------|----------|----------|
| 22  | Chu Việt Hoàng        | 22       | 23          | 7,0         | Bảy      |          |
| 23  | Phạm Huy Hoàng        | 23       | 51          | 7,0         | Bảy      |          |
| 24  | Nguyễn Thị Hồng       | 24       | 53          | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 25  | Nguyễn Bích Huệ       | 25       | 02          | 8,0         | Tám      |          |
| 26  | Nguyễn Thị Huệ        | 26       | 74          | 8,0         | Tám      |          |
| 27  | Dương Việt Hùng       | 27       | 06          | 7,0         | Bảy      |          |
| 28  | Nguyễn Mạnh Hùng      | 28       | -           | -           | -        | Vắng thi |
| 29  | Trần Văn Hùng         | 29       | 48          | 7,0         | Bảy      |          |
| 30  | Nguyễn Tuấn Hùng      | 30       | 37          | 8,0         | Tám      |          |
| 31  | Nguyễn Quốc Hưng      | 31       | 29          | 7,0         | Bảy      |          |
| 32  | Lê Thị Thu Hương      | 32       | 38          | 7,0         | Bảy      |          |
| 33  | Tô Thị Lan Hương      | 33       | 47          | 6,5         | Sáu rưỡi |          |
| 34  | Nguyễn Thị Hương      | 34       | 79          | 7,0         | Bảy      |          |
| 35  | Nguyễn Thu Hường      | 35       | 76          | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 36  | Nguyễn Thị Xuân Hường | 36       | 69          | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 37  | Nguyễn Thị Huyền      | 37       | 80          | 7,0         | Bảy      |          |
| 38  | Nguyễn Thị Mai Linh   | 38       | 77          | 7,0         | Bảy      |          |
| 39  | Nguyễn Thị Thùy Linh  | 39       | 63          | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 40  | Nguyễn Quang Linh     | 40       | 44          | 7,0         | Bảy      |          |
| 41  | Hoàng Thị Mai Loan    | 41       | 09          | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 42  | Đàm Thị Yến Ly        | 42       | 35          | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 43  | Đàm Thanh Mai         | 43       | 43          | 7,0         | Bảy      |          |
| 44  | Bùi Thị Mến           | 44       | 61          | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 45  | Hoàng Thị Ngọc Mỹ     | 45       | 71          | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 46  | Không Hoàng Nam       | 46       | 07          | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 47  | Phạm Thị Hồng Nghi    | 47       | 36          | 6,5         | Sáu rưỡi |          |
| 48  | Hoàng Ngọc            | 48       | 66          | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 49  | Hoàng Thị Thảo Nguyên | 49       | 21          | 8,0         | Tám      |          |



| STT | Họ và tên                   | Số BD | Số phách | Điểm thi | Bằng chữ | Ghi chú  |
|-----|-----------------------------|-------|----------|----------|----------|----------|
| 50  | Lê Thanh Nguyên             | 50    | 39       | 6,5      | Sáu rưỡi |          |
| 51  | Nguyễn Thị Minh Nguyệt      | 51    | 56       | 8,0      | Tám      |          |
| 52  | Cao Thị Thanh Phương        | 52    | -        | -        | -        | Vắng thi |
| 53  | Nguyễn Văn Quyền            | 53    | 64       | 7,0      | Bảy      |          |
| 54  | Hoàng Thị Quỳnh             | 54    | 16       | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 55  | Phạm Thị Tâm                | 55    | 59       | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 56  | Hà Đức Tân                  | 56    | 04       | 7,0      | Bảy      |          |
| 57  | Lưu Hồng Thái               | 57    | 19       | 7,0      | Bảy      |          |
| 58  | Hoàng Thị Thanh             | 58    | 78       | 7,0      | Bảy      |          |
| 59  | Ngô Thị Thảo                | 59    | 82       | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 60  | Ngô Thu Thảo                | 60    | 54       | 6,5      | Sáu rưỡi |          |
| 61  | Nguyễn Thị Phương Thảo-1981 | 61    | 15       | 7,0      | Bảy      |          |
| 62  | Nguyễn Thị Phương Thảo      | 62    | 24       | 7,0      | Bảy      |          |
| 63  | Phạm Đình Thiết             | 63    | 81       | 6,5      | Sáu rưỡi |          |
| 64  | Dương Hữu Thuận             | 64    | 75       | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 65  | Bạch Hương Thủy             | 65    | 72       | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 66  | Nguyễn Thị Thu Thủy         | 66    | 11       | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 67  | Tơ Thị Thủy                 | 67    | 73       | 7,0      | Bảy      |          |
| 68  | Trần Anh Tiến               | 68    | 28       | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 69  | Ngô Thị Huyền Trang         | 69    | 33       | 7,0      | Bảy      |          |
| 70  | Triệu Quốc Tráng            | 70    | 08       | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 71  | Dương Quốc Trường           | 71    | 49       | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 72  | Dương Minh Tuấn             | 72    | 83       | 7,0      | Bảy      |          |
| 73  | Nguyễn Mạnh Tuấn            | 73    | 45       | 7,0      | Bảy      |          |
| 74  | Nguyễn Anh Tuấn-1980        | 74    | 67       | 7,0      | Bảy      |          |
| 75  | Nguyễn Anh Tuấn-1983        | 75    | 57       | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 76  | Nguyễn Anh Tuấn-1974        | 76    | 50       | 7,0      | Bảy      |          |
| 77  | Nguyễn Văn Tuấn-1980        | 77    | 20       | 7,5      | Bảy rưỡi |          |

| STT | Họ và tên            | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bằng chữ | Ghi chú         |
|-----|----------------------|----------|-------------|-------------|----------|-----------------|
| 78  | Nguyễn Văn Tuấn-1977 | 78       | 14          | 7,0         | Bảy      |                 |
| 79  | Trần Thị Tuyết       | 79       | 26          | 7,0         | Bảy      |                 |
| 80  | Phạm Thị Út          | 80       | 40          | 7,0         | Bảy      |                 |
| 81  | Hoàng Thị Uyên       | 81       | 42          | 7,0         | Bảy      |                 |
| 82  | Dương Xuân Vinh      | 82       | 55          | 7,0         | Bảy      |                 |
| 83  | Nguyễn Thành Vũ      | 83       | 32          | 6,5         | Sáu rưỡi |                 |
| 84  | Phan Thị Thanh Xuân  | 84       | 01          | 7,5         | Bảy rưỡi |                 |
| 85  | Hoàng Thị cẩm Vân    | 85       | 13          | 7,5         | Bảy rưỡi | P III.2-K14TPTN |

**PHÒNG QLĐT&NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**



**Nguyễn Thị Hồng Mây**

**KHOA XĐĐ  
TRƯỞNG KHOA**



**Ngô Thị Hồng Nhung**

**K/T HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Minh Chuyên**